

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT ĐẾN NĂM 2025

I. KHÁI QUÁT

Trường Đại học Thủ Dầu Một là trường đại học công lập của tỉnh Bình Dương, được thành lập năm 2009 trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng sư phạm Bình Dương. Qua 9 năm hoạt động, đến nay đã đạt được những thành tựu quan trọng. Đó là:

- Đã định hình là trường đại học đa ngành đa lĩnh vực, phát triển đúng mục tiêu, chiến lược của đề án thành lập và chiến lược phát triển.

- Chất lượng chuyên môn tích cực trên mọi mặt, khẳng định được uy tín và vị thế trong hệ thống giáo dục đại học trong nước và khu vực; được phụ huynh, các em sinh viên quan tâm, tin tưởng chọn là nơi học tập rèn luyện.

- Nội dung chương trình đào tạo được cập nhật theo chương trình tiên tiến, chuẩn quốc gia, chuẩn AUN và đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. Tỷ lệ sinh viên có việc làm ngay sau khi ra trường cao.

- Xác định và thực hiện đúng mục tiêu chiến lược khoa học công nghệ là nghiên cứu về Đông Nam bộ - vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Kết quả nghiên cứu đã được chuyển giao công nghệ phục vụ đời sống xã hội. Huy động được đội ngũ các nhà khoa học trong và ngoài trường, có cả các nhà khoa học nước ngoài cùng tham gia nghiên cứu.

- Đội ngũ cán bộ, giảng viên đạt chuẩn, được đào tạo trong nước và nước ngoài ở nhiều lĩnh vực khác nhau.

- Không gian, môi trường làm việc xanh mát, thân thiện; Cơ sở vật chất được đầu tư và ngày càng hoàn chỉnh, đáp ứng cơ bản yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

- Đạt nhiều thành tích nổi bật: Năm 2014 đón nhận Huân chương Lao động Hạng nhất. Năm 2015 được kết nạp là thành viên tổ chức CDIO thế giới. Năm 2017 đạt chuẩn kiểm định chất lượng Quốc gia. Tháng 12/2017 được kết nạp là thành viên liên kết tổ chức AUN.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2013 – 2018

1. VỀ ĐÀO TẠO

Trường đang Đào tạo 30 ngành đại học, 9 ngành cao học. Quy mô 13.112 sinh viên chính quy, 1.800 sinh viên thường xuyên, 780 học viên cao học với cơ cấu: 67,2 % khối ngành kinh tế, xã hội, quản lý; 24,9 % khối ngành kỹ thuật, tự nhiên; và 7,9 % khối ngành sư phạm.

Đã cho ra trường trên 11.000 cử nhân, kỹ sư, kiến trúc sư. Tỷ lệ có việc làm ngay khi ra trường là 85%, tỷ lệ có việc làm ở khối ngành kinh tế, sư phạm cao hơn; tỷ lệ sinh viên khối ngành kỹ thuật, ngoại ngữ có việc làm từ khi chưa ra trường khá cao.

Nội dung chương trình đào tạo tiếp cận với các chương trình tiên tiến, chuẩn quốc gia, chuẩn AUN; tăng cường thực hành thực tập và kỹ năng xã hội. Phương pháp giảng dạy theo CDIO – Hòa hợp tích cực – Elearning và từng bước hoàn thiện công nghệ dạy học. Sinh viên, học viên cao học được khuyến khích học một học phần tại các trường đối tác ở nước ngoài (Đài Loan, Singapore, Philippine ..). Các em tham gia thi Olympic toán, vật lý, hóa học ... hàng năm đều đạt giải cao; đạt nhiều thành tích nghiên cứu khoa học cấp bộ, cấp tỉnh, giải thưởng Ereka.

Hiện nay đang chuẩn bị cho kiểm định 4 chương trình đào tạo theo chuẩn AUN; xây dựng 6 chương trình chất lượng cao và 01 chương trình liên kết đào tạo với đại học Kentucky của Hoa Kỳ; xây dựng chương trình đào tạo đại học, sau đại học cho lao động Đài Loan đang làm việc tại khu vực Đông Nam bộ.

2. HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Hoạt động khoa học đã đi đúng mục tiêu chiến lược là nghiên cứu về Đông Nam bộ - Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Tập trung nghiên cứu về công nghệ sinh học, nông nghiệp đô thị, chất lượng giáo dục, thành phố thông minh, trường học thông minh. Huy động được sự tham gia của các nhà khoa học trong và ngoài trường, có cả các nhà khoa học nước ngoài vào hoạt động nghiên cứu và các hội thảo khoa học cấp quốc gia, quốc tế. Tỷ lệ giảng viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học là 75%. 25% sinh viên và 80% học viên cao học tham gia nghiên cứu khoa học.

Đã chủ trì 01 đề tài cấp Nhà nước, 11 đề tài cấp bộ/cấp tỉnh, 01 đề tài Nafosted, 200 đề tài cấp cơ sở. Cán bộ giảng viên đã có 124 nghiên cứu được công bố trên các tạp chí nước ngoài, trong đó có 68 công bố trên tạp chí ISI, Scopus, 663 bài báo trên các tạp chí trong nước có điểm.

Các sản phẩm khoa học đã được ứng dụng, chuyển giao góp phần phát triển kinh tế xã hội địa phương, khu vực như: Nấm đông trùng hạ thảo, nấm linh chi, chế phẩm sinh học trong nông nghiệp, gỗ kỹ thuật, giấy từ nước dừa, các phần mềm tự động hóa, phần mềm ứng dụng trong thành phố thông minh. Sản

xuất các sản phẩm thử nghiệm và được đánh giá cao: Cao linh chi, cao đông trùng hạ thảo, rượu đông trùng hạ thảo, gỗ kỹ thuật ...

Hàng năm tổ chức từ 03 đến 5 hội thảo quốc gia, quốc tế với sự tham gia của nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước. Tạp chí khoa học đã được tính điểm để phong hàm phó giáo sư, giáo sư. Ngày hội sinh viên nghiên cứu khoa học, ngày hội khoa học giảng viên trẻ và học viên cao học được tổ chức hàng năm đã tạo sân chơi và động lực thúc đẩy hoạt động khoa học phát triển sâu, rộng.

3. TỔ CHỨC – BỘ MÁY VÀ QUẢN TRỊ ĐẠI HỌC

Đội ngũ cán bộ, giảng viên tăng về số lượng, chất lượng có chuyển biến tích cực. Được đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước ở nhiều lĩnh vực, cơ cấu tương đối phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ. 100% giảng viên có trình độ sau đại học, trong đó tỷ lệ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ chiếm 20 %.

Bộ máy Trường gồm Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban giám hiệu, 11 khoa, 14 phòng, ban chức năng và 10 trung tâm, 02 viện nghiên cứu. 720 cán bộ viên chức, trong đó có 612 giảng viên (16 GS-PGS, 93 tiến sĩ, 503 thạc sĩ).

Công tác quản trị đại học được thực hiện theo mô hình Hội đồng trường đề ra nhiệm vụ chính trị, Ban giám hiệu điều hành việc thực hiện nhiệm vụ chính trị. Các đơn vị chủ động trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động toàn diện theo chiến lược, định hướng và chỉ đạo chung của lãnh đạo trường. Xác định vai trò của Giám đốc chương trình đào tạo là người chịu trách nhiệm chính và điều hành hoạt động toàn diện của chương trình đào tạo. Hệ thống văn bản quản lý, điều hành được xây dựng có tính hệ thống và ngày càng hoàn thiện.

4. HỢP TÁC QUỐC TẾ

Trường đã xác lập, ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác với hơn 20 trường đại học, viện nghiên cứu có uy tín trong khu vực ASEAN, Đông Bắc Á, Mỹ, Úc. Các hoạt động cụ thể đã được thực hiện như trao đổi giảng viên với trường Henry Park của Singapore và các viện đào tạo ngoại ngữ của Philippine; trao đổi sinh viên với các trường của Đài Loan; phối hợp tổ chức hội thảo với các trường của Malaysia, Nhật Bản, xúc tiến các hoạt động trao đổi chương trình đào tạo, liên kết đào tạo với Đại học Kentucky của Hoa Kỳ; tổ chức các hoạt động giao lưu, trao đổi văn hóa với sinh viên Hàn Quốc ...

Hợp tác chiến lược với Đại học Việt - Nhật. Hàng năm tiếp nhận đào tạo 10 đến 15 sinh viên Lào, đến nay đã đào tạo 60 em. Tiếp nhận sinh viên tình nguyện và giao lưu văn hóa với sinh viên Quốc tế. Triển khai tuyển sinh và thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học ở ngoài nước (tỉnh Champasak - Lào)

5. CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ TƯ TƯỞNG – CÔNG TÁC SINH VIÊN

Đảng ủy đã thể hiện tốt vai trò lãnh đạo đảng viên, viên chức và các tổ chức đoàn thể thực hiện nhiệm vụ chính trị của Nhà trường. Công tác bồi dưỡng

chính trị tư tưởng, tuyên truyền giáo dục pháp luật, giáo dục truyền thống, rèn luyện đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật được tổ chức thường xuyên. Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức các phong trào thi đua tạo môi trường, động lực cho viên chức, sinh viên làm việc và học tập. Cán bộ, giảng viên đồng thuận với mục tiêu chiến lược chung và thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, góp phần thực hiện nhiệm vụ chung. Sinh viên tích cực học tập, rèn luyện và tham gia các hoạt động vì cộng đồng.

Công tác chính trị tư tưởng - sinh viên đã góp phần xây dựng và định hình văn hóa Đại học Thủ Dầu Một. Định hình nhân cách đạo đức sinh viên, tạo nên môi trường học tập và rèn luyện an toàn, thân thiện, ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực, tệ nạn xã hội xâm nhập vào Nhà trường.

6. CÔNG TÁC KẾ HOẠCH – TÀI CHÍNH

Kế hoạch hoạt động hằng năm của Nhà trường được xây dựng dựa trên mục tiêu chiến lược và nhiệm vụ chính trị.

Việc lập kế hoạch, phân bổ, sử dụng kinh phí luôn đảm bảo tiết kiệm, đúng mục đích, đúng pháp luật và thực hiện tốt chế độ công khai tài chính. Kế hoạch tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ được kiểm soát đúng quy định của Nhà nước. Đã có kế hoạch và các bước chuẩn bị để đi đến tự chủ.

7. ĐÁNH GIÁ CHUNG

7.1. THÀNH TỰU

So sánh với các chỉ tiêu đặt ra của chiến lược thì tất cả các chỉ tiêu về đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển đội ngũ, hợp tác quốc tế, tài chính và các bước chuẩn bị tự chủ ... đều đạt cao hơn. Trong đó các chỉ số về ngành đào tạo tăng gấp 3 lần so với năm đầu thực hiện chiến lược. Tỷ lệ đội ngũ giảng viên có trình độ sau đại học đạt sớm hơn 2 năm so kế hoạch. Hoạt động nghiên cứu khoa học đã có những sản phẩm cụ thể được ứng dụng, chuyển giao. Các bước chuẩn bị cho tự chủ cũng đạt sớm hơn so với dự kiến.

Một số kết quả đi xa và sớm hơn so với mục tiêu chiến lược đặt ra như: Trường đại chuẩn chất lượng quốc gia. Là thành viên tổ chức CDIO, thành viên liên kết AUN. Hình thành phương pháp giảng dạy hòa hợp tích cực riêng của Trường. Không còn đào tạo cao đẳng. Đào tạo sau đại học tăng rất nhanh. Có bước chuẩn bị để xây dựng đại học thông minh.

7.2. HẠN CHẾ

Đội ngũ cán bộ có trình độ cao (phó giáo sư, tiến sĩ) còn ít so với xu hướng phát triển chung. Kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu khoa học của nhiều giảng viên còn hạn chế. Các đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, cấp Nhà nước chưa tương xứng với tiềm năng.

Cơ sở vật chất còn nhiều hạn chế, mới chỉ đáp ứng yêu cầu tối thiểu của một trường đại học.

Công tác quản trị đại học chưa thật sự đồng bộ, đặc biệt là sự chủ động, chuyên biến ở cấp khoa chưa cao.

7.3. NGUYÊN NHÂN

Để đại được kết quả như trên, trước hết là việc xác định chiến lược và định hướng đúng đắn, phù hợp (đa ngành đa lĩnh vực, định hướng ứng dụng). Có lộ trình phát triển rõ ràng.

Sự đoàn kết và tâm huyết, quyết liệt trong chỉ đạo điều hành hoạt động của lãnh đạo trường. Cán bộ giảng viên đồng thuận.

Có sự quan tâm của lãnh đạo tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. Tranh thủ, huy động được nguồn nhân lực ngoài trường tham gia vào các hoạt động đào tạo nghiên cứu khoa học.

Sự quan tâm, tin yêu của phụ huynh, các em học sinh, sinh viên trong tỉnh và các tỉnh trong khu vực Đông Nam bộ, Tây Nguyên và Nam Trung bộ.

II. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2025.

1. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC

- Luật giáo dục đại học năm 2012 đang được lấy ý kiến sửa đổi.
- Xu hướng và chủ trương của Nhà nước về đẩy nhanh tự chủ đại học.
- Nghị quyết 29/NQ-TW ngày 4/11/2013 của Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.
- Quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng và yêu cầu đặt ra của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đối với giáo dục.
- Nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh Bình Dương, khu vực Đông Nam bộ - vùng thành phố Hồ Chí Minh và cả nước.
- Thành tựu đạt được của Trường Đại học Thủ Dầu Một trong thời gian qua.

2. NỘI DUNG CHIẾN LƯỢC

2.1. SỨ MẠNG: Là trung tâm văn hóa, giáo dục và khoa học, công nghệ. Cung cấp nguồn nhân lực, sản phẩm khoa học và công nghệ có chất lượng phục vụ phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế tỉnh Bình Dương, miền Đông Nam bộ và cả nước.

2.2. TẦM NHÌN: Trở thành trường đại học thông minh có uy tín trong nước và quốc tế, vào top 350 đại học tốt nhất Châu Á, người học có năng lực làm việc trong nước và nước ngoài (công dân toàn cầu).

2.3. MỤC TIÊU: Phát triển theo định hướng ứng dụng, trở thành trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực theo các chuẩn mực quốc tế tiên tiến, hiện đại.

2.4. GIÁ TRỊ CỐT LÕI: Khát vọng – Trách nhiệm – Sáng tạo

2.5. MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CÁC GIẢI PHÁP

2.5.1. Đào tạo

a) Mục tiêu:

- Nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế (công dân toàn cầu) và cách mạng công nghiệp 4.0.

- 100% chương trình được thiết kế theo CDIO, 75% chương trình theo chuẩn Quốc gia, 25% chương trình chất lượng cao và chuẩn AUN.

- Nội dung chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến của các trường nước ngoài đã được kiểm định.

b) Quy mô:

- Chương trình đào tạo: Đại học: 42, thạc sĩ: 21; tiến sĩ: 7;

- Sinh viên: 15.000 chính quy, 3.000 thường xuyên, 1.000 học viên cao học và 200 nghiên cứu sinh.

c) Giải pháp

- Hình thành công nghệ đào tạo hiện đại, tiên tiến và chuẩn quốc tế; triển khai đồng bộ phương pháp dạy học hòa hợp tích cực. Ứng dụng công nghệ thông tin, mô hình mô phỏng trong đào tạo, đặc biệt là trong thực hành thực tập.

- Xây dựng chuẩn đầu ra đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và cách mạng công nghiệp 4.0.

- Thiết kế chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng với 40% chương trình đào tạo là thực hành, thực tập.

- Mở rộng quy mô và đa dạng hình thức đào tạo đáp ứng thị trường lao động như: Mở thêm ngành đào tạo trên cơ sở nhu cầu của xã hội; triển khai nhiều phương thức đào tạo theo nhu cầu người học;

- Minh bạch, công khai và đề cao trách nhiệm giải trình của nhà trường với xã hội.

- Kiểm định chất lượng giáo dục theo chuẩn Quốc gia và AUN: Kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo. Kiểm định chương trình đào tạo. Khảo sát người học đơn vị sử dụng lao động. Tham gia xếp hạng các trường đại học trong nước và khu vực.

2.5.2. Hoạt động khoa học công nghệ

a) Mục tiêu

- Nâng cao chất lượng hoạt động khoa học công nghệ phù hợp với sứ mệnh của đại học định hướng ứng dụng. Có nguồn thu từ hoạt động chuyển giao công nghệ.

- Tiếp tục nghiên cứu về Đông Nam bộ - Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam – Vùng thành phố Hồ Chí Minh. Tập trung các chủ đề: Công nghệ sinh học, nông nghiệp đô thị, chất lượng giáo dục đại học, thành phố thông minh, đại học thông minh, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

b) Chỉ tiêu:

- 90% cán bộ giảng viên, 90% học viên cao học và 50% sinh viên chính quy có hoạt động khoa học.

- Mỗi chương trình đào tạo có từ 1 đến 3 nhóm nghiên cứu.

- Dành 5% học phí để hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên cao học.

- Có 100 nghiên cứu được công bố trên các tạp chí có chỉ số ISI , copus, 1000 bài trên các tạp chí có điểm và hội thảo quốc tế, quốc gia.

c) Giải pháp

- Triển khai đồng bộ quy mô, nội dung hoạt động và xác định danh mục nhiệm vụ khoa học công nghệ đúng trọng tâm chiến lược và yêu cầu phát triển.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả nghiên cứu khoa học thông qua việc: Phát triển năng lực đội ngũ, hình thành đội ngũ nghiên cứu viên, chuyên gia. Đầu tư hoàn thiện hạ tầng khoa học công nghệ phục vụ cho trường và cho cả vùng. Xây dựng chính sách để quy tụ nguồn lực tham gia vào hoạt động khoa học công nghệ.

- Tăng cường hoạt động khoa học công nghệ trong sinh viên, học viên cao học thông qua việc thực hiện tốt ngày hội khoa học sinh viên và ngày hội khoa học giảng viên trẻ, học viên học và nghiên cứu sinh.

- Phát triển hệ thống thông tin khoa học công nghệ. Hình thành thư viện Đông Nam bộ. Nâng cao chất lượng tạp chí và Thông tin khoa học. Xuất bản tạp chí bằng tiếng Anh và tiến tới đạt tiêu chuẩn điểm cao, copus, ISI.

- Đẩy mạnh chuyển giao các sản phẩm khoa học công nghệ.

2.5.3. Phát triển nguồn nhân lực

a) Mục tiêu

Phát triển nguồn nhân lực đạt chuẩn, có chất lượng, đảm bảo cơ cấu theo yêu cầu phát triển của Nhà trường.

b) Chỉ tiêu:

- Tổng biên chế: 900. Trong đó giảng viên 75%, viên chức hành chính 25%. 30 % có trình độ từ tiến sĩ trở lên, trong đó có ít nhất 10 giáo sư, 40 phó giáo sư và 190 tiến sĩ.

- Giảng viên cơ hữu đảm nhận 80% khối lượng chương trình đào tạo, 20% thỉnh giảng.

- 100 cán bộ giảng viên được đào tạo tiến sĩ và sau tiến sĩ trong nước và nước ngoài.

- 100% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng về quản lý, quản trị đại học.

c) Giải pháp:

- Rà soát đội ngũ cán bộ, giảng viên hiện có theo các tiêu chuẩn và cho thôi việc những người không hoàn thành nhiệm vụ, không nâng cao trình độ đạt chuẩn sau 5 năm công tác.

- Xây dựng đề án phát triển nhân lực theo hướng tăng nhanh tỉ lệ GS , PGS, TS và thu hút đội ngũ có trình độ sau tiến sĩ , tiến sĩ, thạc sĩ loại giỏi được đào tạo ở nước ngoài.

- Đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ giảng viên theo đúng chuyên môn, đúng kế hoạch Nhà trường từ các nguồn ngân sách, học bổng, tài trợ...

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng bắt buộc để nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực quản lý.

- Hình thành đội ngũ chuyên gia trong lĩnh vực kiểm định đánh giá chất lượng, AUN, CDIO, công nghệ giáo dục và các kỹ năng.

- Lựa chọn đội ngũ thỉnh giảng là những giảng viên , chuyên gia, nhà khoa học có trình độ chuyên môn tốt.

- Kiện toàn, sắp xếp bộ máy theo tinh thần nghị quyết hội nghị lần thứ 6 ban chấp hành trung ương đảng khóa XII (Nghị quyết 18).

2.5.4. Hợp tác quốc tế

a) Mục tiêu

Nâng cao vị thế, khẳng định uy tín của Trường trong khu vực và quốc tế; tiếp nhận những thành tựu của các trường đại học tiên tiến trên thế giới để nâng cao chất lượng Nhà trường.

b) Chỉ tiêu:

- Thiết lập quan hệ hợp tác với 50 trường Đại học, cơ quan khoa học nước ngoài.

- Có 5 chương trình hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học với các trường đại học các nước phát triển và 5 chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi sinh viên với các trường đại học nước ngoài.

- Có 10% chương trình đào tạo liên kết với nước ngoài đồng cấp bằng.
- Đào tạo từ 50 – 100 sinh viên quốc tế.

c) Giải pháp

- Chuẩn hoá ngoại ngữ cho cán bộ, giảng viên và sinh viên.
- Nâng cao năng lực, chuyên nghiệp công tác hợp tác quốc tế.
- Xây dựng các chương trình liên kết đào tạo.
- Tăng cường trao đổi sinh viên, học bổng, du học và hợp tác giao lưu văn hoá.

- Phát triển các chương trình trao đổi giảng viên, nghiên cứu sinh, thực tập sinh và giáo viên tình nguyện.

- Hợp tác phát triển nghiên cứu khoa học và dự án quốc tế.

2.5.5. Công tác chính trị tư tưởng – công tác sinh viên và xây dựng văn hóa đại học Thủ Dầu Một

a) Mục tiêu:

Xây dựng ước mơ, khát vọng vươn tới đỉnh cao tri thức và định hình văn hoá đại học Thủ Dầu Một.

b) Chỉ tiêu:

- 100% cán bộ giảng viên được học tập, quán triệt và thực hiện chủ trương, chính sách của đảng và Nhà nước; đồng thuận và tâm huyết thực hiện chiến lược nhà trường.

- 100 % sinh viên được trang bị kiến thức, kỹ năng, ngoại ngữ, tin học đảm bảo chuẩn đầu ra và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

- Phấn đấu 100% sinh viên đạt chuẩn sinh viên năm tốt.
- Sinh viên tốt nghiệp: Đạt loại giỏi 20%, khá 60%, trung bình 20%.
- Kết nạp 100 đảng viên/ năm.

c) Giải pháp:

- Đẩy mạnh phong trào thi đua trong cán bộ, giảng viên và sinh viên.
- Nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức trong nhà trường, tạo môi trường cho cán bộ giảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, cho sinh viên phấn đấu, học tập, rèn luyện và phụng sự cộng đồng.

- Tổ chức các hoạt động quảng bá về trường, xây dựng bộ nhận diện thương hiệu.

2.5.6. Xây dựng cơ sở vật chất

a) Mục tiêu:

- Xây dựng cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển Nhà trường và môi trường đại học thân thiện thu hút người học.

b) Chỉ tiêu:

- Đạt các tiêu chí về cơ sở vật chất theo các chuẩn mực trong nước và quốc tế.

c) Giải pháp:

- Đầu tư hoàn chỉnh cơ sở vật chất tại số 06 Trần Văn Ôn

- Đầu tư từng hạng mục dự án trường mới tại khu đô thị Thới Hoà: Năm 2019, 2020 làm cổng, hàng rào, đường nội bộ; xây dựng công viên sáng tạo, xưởng thực hành, thực tập, thực nghiệm.

- Xây dựng đề án sử dụng cơ sở vật chất để khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, tạo nguồn thu từ việc khai thác cơ sở vật chất.

2.5.7. Kế hoạch – Tài chính

a) Mục tiêu:

- Tự chủ chi thường xuyên và có tích lũy để đầu tư phát triển và nâng cao thu nhập cho cán bộ, giảng viên, người lao động.

b) Chỉ tiêu:

- Tổng nguồn thu giai đoạn 2020- 2025 đạt 250 tỷ đồng; giai đoạn 2025-2030 đạt 300 tỷ đồng.

- Cơ cấu chi: Chi thường xuyên: 50%, chi đầu tư: 30%; trích lập quỹ dự phòng (tích lũy 20%).

c) Giải pháp

- Tăng quy mô và đa dạng hoá các nguồn lực tài chính.

- Quản lý sử dụng tài chính có hiệu quả, đúng quy định.

- Công khai, minh bạch tài chính theo quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Tuyên truyền, phổ biến chiến lược đến toàn thể cán bộ, giảng viên, sinh viên và các bên liên quan nhằm tạo sự đồng thuận trong việc thực hiện.

- Giao Ban giám hiệu Nhà trường cùng với các đơn vị xây dựng các chương trình, đề án, kế hoạch để thực hiện các mục tiêu chiến lược đặt ra.

- Quá trình thực hiện sẽ sơ kết nhằm đánh giá kết quả, từ đó điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu, giải pháp phù hợp với yêu cầu phát triển và điều kiện thực tiễn của Trường nhằm hoàn thành mục tiêu đề ra.